

UBND QUẬN LONG BIÊN
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

Số: 20 /TCKH-NS

V/v báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 và phân loại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng, ban, hội, đoàn thể;
- UBND các phường;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Quận;

Đề có cơ sở báo cáo Sở Tài chính Hà Nội theo quy định, phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2022 theo một số nội dung như sau:

1. Đối với cơ quan hành chính nhà nước (Các phòng, ban, hội, đoàn thể và UBND các phường): Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Mẫu số 06** kèm theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và Tổng hợp số liệu theo **Biểu số 1a-CQHC**.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp:

2.1. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch “Triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận Long Biên sang tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025” (gửi kèm Kế hoạch đơn vị đã xây dựng).

2.2. Biểu mẫu thực hiện

- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Phụ lục số 05** kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 và **Biểu số 02a-ĐVSN** kèm theo công văn này.

- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Phụ lục số 05** kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 và **Biểu số 02b-ĐVSN** kèm theo công văn này.

Các đơn vị tổng hợp, gửi báo cáo về phòng Tài chính-Kế hoạch **trước ngày 15/02/2023** theo các địa chỉ email sau:

- Khối phòng: **domanhquynh_longbien@hanoi.gov.vn**
- Khối trường học: **phanthimai_longbien@hanoi.gov.vn**
- Khối phòng ban, cơ quan đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp khác: **hoangminhghia_longbien@hanoi.gov.vn**

Đây là nội dung quan trọng đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Nội vụ, KBNN (để p/hợp);
- Lưu: TCKH (3b).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Thanh Nam

ĐƠN VỊ

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ
ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

NĂM 2022

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ :.....đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện:.....đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được:.....đồng

Trong đó:

+ Tiết kiệm chi quỹ lương:

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:..... %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động:..... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần/tháng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất đồng/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất đồng/tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác: đồng

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

- ...

- ...

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

... , ngày... tháng... năm...

Người lập báo cáo

(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

NĂM 2022

I. Đánh giá chung:

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao:
 - Khối lượng công việc hoàn thành trong năm;
 - Chất lượng các công việc đã hoàn thành được duyệt hoặc chấp nhận;
 - Thời hạn hoàn thành công việc;
 - Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính;
 - Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặc thù của đơn vị.
2. Về tổ chức bộ máy:
3. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính, gồm:
 - Về mức thu sự nghiệp:
 - Các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số...
 - Các khoản thu do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể
 - Thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể

II. Đánh giá cụ thể:

1. Về biên chế:
 - Tổng số biên chế đầu năm..... người
 - Số lao động có mặt..... người
2. Về tổ chức bộ máy:
 - Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có đầu năm báo cáo:.....
 - Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có cuối năm báo cáo:.....
3. Về kinh phí:
 - a) Kinh phí chi hoạt động: Trong đó:
 - Kinh phí giao ổn định (đối với đơn vị SN tự bảo đảm một phần chi phí; đơn vị SN do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động)..... đồng, trong đó:

- + Số kinh phí thực hiện:..... đồng
- + Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng
- + Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%
- Kinh phí không thực hiện tự chủ..... đồng

b) Thu sự nghiệp:

- Dự toán giao:

- Số thực hiện:

c) Chênh lệch thu chi thường xuyên:

d) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm và chênh lệch thu chi:

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp
- Trích lập quỹ ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Tổng thu nhập tăng thêm của người lao động:..... đồng

Trong đó:

+ Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động:.....đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất:.....đồng/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:.....đồng/tháng

5. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

... Ngày..... tháng.....năm.....

Người lập báo cáo

(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

Cơ quan quản lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: ...

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM 2022

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tầng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:.... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.
- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp, thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí, lệ phí: thu theo quyết định số...
- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.
- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...
- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)
 - + Dự toán thu:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu: Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác; nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí để lại chi thường xuyên; nguồn NSNN cấp chi thường xuyên theo số lượng người làm việc...)
 - + Số thực hiện:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên).
- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)
 - + Dự toán chi... triệu đồng
 - + Số thực hiện....triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): triệu đồng, trong đó chi tiết từng quỹ.

Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị:triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: ... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: ... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: ... triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay ... triệu đồng; số đã trả nợ vay ... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động ... triệu đồng; số đã trả nợ vay ... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

7. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

... Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

Biểu báo cáo kèm theo Phụ lục số 5

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2022**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng			
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	Nguồn thu, chi thường xuyên				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí*				
c	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:				
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công				
d	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)				
h	Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
2	Chi thường xuyên				
a	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí				
c	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
d	Chi thường xuyên ngân sách cấp trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Chi từ nguồn thu phí được để lại chi thường				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	xuyên theo quy định				
e	Chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Chi hoạt động khác (nếu có)				
h	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
3	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = 1-2)				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự điểm h mục 1, 2 nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
	Trích Quỹ khác (nếu có)				
4	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Dưới 01 lần lương				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương				
	Từ trên 3 lần lương				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm b.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022
I	VỀ BIÊN CHẾ		
a	Tổng số biên chế được giao (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
b	Số biên chế có mặt (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
c	Số biên chế tiết kiệm được (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
d	Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế trên tổng Số đơn vị thực hiện (đơn vị)		
e	Phân tích nguyên nhân tăng giảm đối với CBCC (người)		
	- Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	- Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	- Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
f	Phân tích nguyên nhân tăng giảm (đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã)		
	- Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	- Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	- Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
g	Phân tích nguyên nhân tăng giảm (đối với LĐHĐ theo Nghị định 68)		
	Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
II	VỀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIAO (triệu đồng)		
1	Tổng kinh phí quản lý hành chính		
2	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (triệu đồng)		
a	Chi tổng quỹ lương, phụ cấp		
	- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của biên chế được giao	Triệu đồng	
	- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Triệu đồng	
	- Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Triệu đồng	
b	Chi nghiệp vụ và chi khác		
	Trong đó:		
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Triệu đồng	
	- Kinh phí nghiệp vụ và chi khác đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Triệu đồng	
3	Số kinh phí tiết kiệm được (triệu đồng)		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022
	<i>Trong đó: số KP tiết kiệm được người hoạt động không chuyên trách cấp xã</i>	Triệu đồng	
4	Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí (số đơn vị)		
5	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (triệu đồng)		
6	Kinh phí chi quản lý hành chính tiết kiệm tiết kiệm/năm (triệu đồng)		
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Tiết kiệm chi quỹ lương CBCC, HD 68 (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)</i>	Triệu đồng	
-	<i>Tiết kiệm quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã</i>	Triệu đồng	
-	<i>Tiết kiệm các khoản chi khác đối với CBCC, HD 68 (ngoài quỹ lương)</i>	Triệu đồng	
-	<i>Tiết kiệm chi khác (ngoài quỹ phụ cấp) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã</i>	Triệu đồng	
7	Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao (%)	%	
8	Chi thu nhập tăng thêm (nghìn đồng)	1.000 đồng	
9	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn (nghìn đồng)	1.000 đồng	
10	Trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (triệu đồng)	Triệu đồng	
IV	KẾT QUẢ THU NHẬP TĂNG THÊM		
1	Hệ số tăng thu nhập		
-	Hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,1 lần đến dưới 0,2 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,2 lần đến dưới 0,3 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,3 lần đến dưới 0,4 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập dưới 0,4 lần đến dưới 0,5 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,5 lần đến dưới 1 lần		
2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
3	Mức thu nhập tăng thêm cao nhất/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp huyện	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp xã, phường, thị trấn	1.000 đồng	
4	Mức thu nhập tăng thêm thấp nhất/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp huyện	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp xã, phường, thị trấn	1.000 đồng	

